

TỜ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Chính phủ số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề tăng cường hiệu lực của công tác quản lý của Hội đồng Chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại;

Đề đề cao trách nhiệm và kỷ luật, tạo điều kiện cho các bộ trưởng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp toàn thể ngày 29-5-1980,

NGHỊ ĐỊNH

Phần thứ nhất

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TRƯỞNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA BỘ

Điều 1. - Bộ hoặc Ủy ban Nhà nước (dưới đây gọi tắt là Bộ) là cơ quan trung ương quản lý một hoặc nhiều lĩnh vực công tác (nếu là Bộ có chức năng tổng hợp), quản lý một hoặc nhiều ngành (nếu là Bộ chủ quản ngành) trong phạm vi cả nước.

Điều 2. - Bộ trưởng là người đứng đầu một Bộ, chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng Chính phủ và Quốc hội về quản lý đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác được phân công.

Bộ trưởng là thành viên của Hội đồng Chính phủ, cùng với các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể trước Quốc hội về hoạt động của Hội đồng Chính phủ.

Điều 3. - Bộ trưởng quản lý ngành hoặc lĩnh vực công tác theo nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Bộ trưởng được giao mọi quyền lãnh đạo Bộ mình theo pháp luật Nhà nước, theo những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm ghi trong nghị định này và theo chế độ thủ trưởng.

Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý đối với toàn ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước bao gồm các tổ chức quốc doanh, tập thể hoặc tư nhân, các cơ quan, đơn vị do Bộ trực tiếp quản lý và các cơ quan, đơn vị thuộc ngành do Bộ khác hoặc do các Ủy ban nhân dân địa phương quản lý.

Bộ trưởng có nhiệm vụ phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và tôn trọng quyền tự chủ tài chính của các liên hiệp xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp, xí nghiệp trực thuộc; tôn trọng và phát huy quyền chủ động của các Ủy ban nhân dân địa phương; không trực tiếp giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và của các Ủy ban nhân dân địa phương.

Các bộ trưởng có nhiệm vụ phối hợp công tác và giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, phục vụ lẫn nhau nhằm hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

Các Bộ làm chức năng quản lý tổng hợp có nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch, chính sách, chế độ về từng lĩnh vực công tác phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho các Bộ quản lý ngành hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch Nhà nước; kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở về việc chấp hành các kế hoạch, chính sách, chế độ thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách.

Điều 4. — Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ trưởng về quản lý Nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác được phân công:

1. Về quy hoạch và kế hoạch:

Căn cứ vào đường lối và chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng các quy hoạch, các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm của ngành hoặc lĩnh vực công tác nhằm bảo đảm sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện, cân đối và có hiệu quả của ngành hoặc lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và của quốc phòng.

2. Về pháp luật, chính sách, chế độ:

Xây dựng các dự án pháp luật, các chính sách, chế độ, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế — kỹ thuật, bao gồm chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chính sách về sản xuất, phân phối, lưu thông và phục vụ đời sống thuộc ngành hoặc lĩnh vực mình phụ trách đề trình Chính phủ ban hành hoặc tự mình ban hành (theo quy định của Chính phủ).

3. Về khoa học và kỹ thuật:

Xây dựng các dự đoán về phát triển khoa học và kỹ thuật; thống nhất quản lý việc thực hiện đường lối, chính sách về khoa học và kỹ thuật, về công tác nghiên cứu, phát triển khoa học và kỹ thuật của ngành; chỉ đạo việc áp dụng những thành tựu khoa học và những tiến bộ kỹ thuật vào ngành hoặc lĩnh vực trong cả nước.

4. Về tổ chức, cán bộ và lao động:

Xây dựng hệ thống tổ chức theo quy chế và định mức biên chế thống nhất của ngành; xây dựng và tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn, chính sách, chế độ đối với cán bộ, nhân viên toàn ngành và lĩnh vực công tác; đào tạo, bồi dưỡng hoặc đề ra nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công nhân, nhân viên toàn ngành và lĩnh vực công tác.

5. Về hợp tác quốc tế:

Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, về khoa học và kỹ thuật theo đường lối, chính sách của Đảng và những quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài.

6. Về chỉ đạo thực hiện và kiểm tra:

Bộ trưởng có quyền quyết định những chủ trương, biện pháp và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, biện pháp đó; ra những quyết định, thông tư, chỉ thị và hướng dẫn thi hành đối với các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở trong cả nước về những vấn đề thuộc chức năng quản lý Nhà nước của mình.

Các bộ trưởng làm chức năng quản lý tổng hợp hướng dẫn thực hiện và kiểm tra tất cả các Bộ, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở trong cả nước về việc chấp hành những chính sách, pháp luật, thể lệ thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách.

Các Bộ chủ quản ngành kiểm tra tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc ngành do các Bộ khác hoặc do Ủy ban nhân dân địa phương quản lý nhằm bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất những công việc thuộc nội dung quản lý của ngành.

Điều 5. — Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ trưởng đối với các đơn vị thuộc ngành:

1. Đối với các đơn vị do Bộ trực tiếp quản lý:

a) Ngoài nhiệm vụ và quyền hạn quy định ở điều 4 trên đây, bộ trưởng còn có nhiệm vụ và quyền hạn:

— Chỉ đạo các đơn vị hoàn thành kế hoạch Nhà nước và nhiệm vụ công tác được giao, với chi phí ít nhất và hiệu quả lớn nhất;

— Xét duyệt các kế hoạch, các nhiệm vụ công tác, các bảng cân đối, các quy trình, quy phạm kỹ thuật và các định mức, tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật;

— Xây dựng tổ chức và bảo đảm các điều kiện về lao động, phương tiện, vật tư, tiền vốn cho các tổ chức đó hoạt động có hiệu quả;

— Điều hòa, phối hợp hoạt động của các đơn vị; giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ công tác vượt quá thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc.

b) Trong trường hợp đã thành lập liên hiệp các xí nghiệp hoặc công ty, thì bộ trưởng thông qua giám đốc liên hiệp các xí nghiệp, công ty mà chỉ đạo các cơ sở.

c) Đơn vị xí nghiệp đóng tại địa phương nào, thì Bộ có nhiệm vụ thông báo cho Ủy ban nhân dân địa phương đó biết kế hoạch sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ bản và những chỉ thị công tác quan trọng mà Bộ gửi cho đơn vị. Ủy ban nhân dân địa phương có nhiệm vụ giúp đỡ và kiểm tra đơn vị này thực hiện các kế hoạch hoặc chỉ thị ấy, và thực hiện chức năng quản lý lãnh thổ của chính quyền địa phương đối với đơn vị này theo quy định của pháp luật Nhà nước.

2. Đối với các đơn vị thuộc ngành do địa phương quản lý:

a) Chỉ đạo việc lập quy hoạch phát triển ngành, phân công quản lý giữa cơ quan trung ương và địa phương.

b) Hướng dẫn việc lập kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm (về phần thuộc ngành), tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch ấy vào kế hoạch của toàn ngành.

c) Quyết định các chủ trương công tác của ngành hoặc lĩnh vực mình phụ trách thuộc phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, và chỉ đạo các địa phương thực hiện; cung cấp cho địa phương cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật và cung ứng cho các đơn vị những vật tư, thiết bị chuyên dùng trong phạm vi quản lý của Bộ.

d) Hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban nhân dân địa phương trong việc thực hiện chức năng quản lý đối với các đơn vị thuộc ngành địa phương.

e) Kiểm tra các cơ quan quản lý ngành và các cơ sở thuộc ngành ở địa phương trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chế độ v.v... của ngành, trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả việc giao nộp sản phẩm hoặc tải chính cho Nhà nước).

g) Ủy ban nhân dân địa phương thông báo cho Bộ chủ quản ngành biết những nhiệm vụ kế hoạch, nhiệm vụ công tác, chỉ tiêu ngân sách và chỉ thị công tác mà Ủy ban nhân dân đã gửi cho các đơn vị thuộc quyền trực tiếp quản lý của địa phương.

Nếu Ủy ban nhân dân địa phương muốn ra những quyết định, chỉ thị làm thay đổi kế hoạch ngành ở địa phương, hoặc làm ảnh hưởng đến việc thi hành thống nhất các chính sách, chế độ quản lý ngành, thì Ủy ban nhân dân phải bàn bạc nhất trí với Bộ chủ quản trước khi ra quyết định hoặc trước khi trình Chính phủ quyết định (đối với vấn đề thuộc thẩm quyền Chính phủ).

3. Đối với các đơn vị thuộc ngành do các Bộ khác trực tiếp quản lý:

Theo sự phân công của Chính phủ, phối hợp với các Bộ chủ quản:

a) Hướng dẫn các đơn vị này xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch theo sự phân công sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp; thực hiện chính sách khoa học và kỹ thuật, hoặc chính sách nghiệp vụ chuyên ngành.

b) Kiểm tra các đơn vị này chấp hành các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và những công việc thuộc quyền quản lý thống nhất của Bộ chủ quản ngành.

Phần thứ hai

CHỨC NĂNG CỦA BỘ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỤ THỂ

Chương I

TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH HÓA

Điều 6. — Về quy hoạch, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng quy hoạch phát triển và dự kiến việc phân công quản lý ngành trong phạm vi cả nước trình Chính phủ xét duyệt;

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) xây dựng quy hoạch phát triển ngành ở địa phương gắn với quy hoạch các ngành khác trong quy hoạch tổng thể của địa phương;

3. Tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển ngành.

Điều 7. — Ủy ban phân vùng kinh tế trung ương có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn chung cho công tác phân vùng kinh tế và xây dựng quy hoạch ngành và lãnh thổ trình Chính phủ quyết định; trực tiếp tổ chức việc điều tra, thu thập những số liệu cơ bản, phục vụ công tác phân vùng và quy hoạch;

2. Xây dựng phương án phân vùng kinh tế trong cả nước (các vùng kinh tế cơ bản) trình Chính phủ quyết định;

3. Hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ khớp với quy hoạch các vùng kinh tế cơ bản;

4. Xây dựng phương pháp và chế độ công tác quy hoạch và phân vùng kinh tế và hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện;

5. Theo dõi, kiểm tra các Bộ, các Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

Điều 8. — Về kế hoạch, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của ngành bao gồm cả khu vực kinh tế Nhà nước và khu vực kinh tế tập thể;

2. Căn cứ vào số kiểm tra của kế hoạch Nhà nước, giao số kiểm tra kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc Bộ và chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch kinh tế, văn hóa, xã hội của Bộ từ cơ sở lên;

3. Đối với phần kinh tế do địa phương trực tiếp quản lý, Bộ căn cứ vào số kiểm tra của kế hoạch Nhà nước giao cho địa phương để hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh và chỉ đạo cơ quan chuyên môn ở địa phương xây dựng kế hoạch ngành ở địa phương;

4. Tổng hợp các dự án kế hoạch của các đơn vị trực thuộc và các dự án kế hoạch của các địa phương (trên một số chỉ tiêu chủ yếu theo danh mục do Chính phủ quy định) thành dự án kế hoạch toàn ngành, lập các bảng cân đối sản phẩm toàn ngành;

5. Giao kế hoạch chính thức cho các đơn vị trực thuộc, và giao các chỉ tiêu hướng dẫn cho các cơ quan quản lý ngành ở địa phương không trái với phương hướng, nhiệm vụ do Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân địa phương; chỉ đạo thực hiện kế hoạch ngành, sau khi kế hoạch chính thức được duyệt;

6. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, hạch toán, thống kê và thông tin kinh tế, xét duyệt và công nhận việc hoàn thành kế hoạch của các đơn vị đó.

Điều 9. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Căn cứ vào đường lối của Đảng, hướng dẫn các Bộ, các Ủy ban nhân dân địa phương xây dựng các kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Tổng hợp và cân đối dự án kế hoạch của các Bộ, các địa phương thành dự án kế hoạch Nhà nước, bảo đảm kế hoạch được cân đối, vững chắc và tích cực để trình Chính phủ xét duyệt.

Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc tổng hợp kế hoạch tài chính của các Bộ, các địa phương và tính toán nhu cầu và khả năng tài chính của Nhà nước nhằm bảo đảm cho kế hoạch tài chính gắn với kế hoạch kinh tế — văn hóa — xã hội.

3. Trình Chính phủ quyết định hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh và các chỉ tiêu để tính toán.

4. Trình Chính phủ quyết định các chế độ và phương pháp kế hoạch hóa, hệ thống cân đối kế hoạch, được Chính phủ ủy quyền ban hành một số chế độ và phương pháp cụ thể; hướng dẫn các Bộ và các Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện phương pháp kế hoạch hóa đó.

5. Xây dựng các bảng cân đối tổng hợp như cân đối tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, cân đối tài chính tổng hợp, cân đối thu chi bằng tiền của dân cư, cân đối lao động xã hội, cân đối những vật tư hàng hóa chủ yếu, cân đối thanh toán quốc tế, v.v... trình Chính phủ quyết định. Được Chính phủ ủy quyền duyệt một số bảng cân đối liên ngành và giao một số chỉ tiêu cho các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Phối hợp với Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài để nghiên cứu kế hoạch hợp tác kinh tế với nước ngoài và cân đối tổng hợp kế hoạch đó trình Chính phủ quyết định; theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

7. Trình Chính phủ quyết định những chủ trương kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, kế hoạch động viên thời chiến, kế hoạch dự trữ Nhà nước.

8. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước; kiến nghị với Chính phủ những biện pháp nhằm khai thác tốt các tiềm lực kinh tế, điều hòa, phân phối các nguồn vật tư, sức lao động, tiền vốn và khắc phục những sự mất cân đối trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Chương II

TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Điều 10. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định chính sách về khoa học và kỹ thuật trong ngành và chỉ đạo thực hiện chính sách đó; tổ chức công tác dự đoán về phát triển khoa học và kỹ thuật của ngành;

Tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, các nhiệm vụ về điều tra, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu ứng dụng những thành tựu khoa học, những tiến bộ kỹ thuật và sản xuất hoặc lĩnh vực công tác do Bộ mình phụ trách;

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của ngành; tổ chức nghiên cứu và đưa vào sản xuất các loại sản phẩm mới, các quá trình công nghệ và

phương pháp tổ chức sản xuất mới có hiệu quả kinh tế cao; đề ra các biện pháp sử dụng hợp lý và tiết kiệm các loại nguyên liệu, vật liệu trong ngành;

4. Chỉ đạo thực hiện công tác tiêu chuẩn hóa, công tác đo lường và công tác kiểm tra chất lượng các sản phẩm của ngành. Tổ chức việc kiểm định các loại thiết bị và dụng cụ đo lường của ngành theo quy định của Nhà nước;

5. Chỉ đạo việc xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, bảo đảm các điều kiện và phương tiện vật chất cần thiết cho các cơ sở đó hoạt động;

6. Chỉ đạo các hoạt động về sáng chế, phát minh, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất trong ngành, bảo đảm việc áp dụng các sáng chế, phát minh và hợp lý hóa đó vào sản xuất.

Tổ chức công tác thông tin và tư liệu về khoa học và kỹ thuật của ngành.

Điều 11. — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Hướng dẫn các Bộ xây dựng các dự đoán về phát triển khoa học và kỹ thuật; tổng hợp các dự đoán đó trình Chính phủ;

2. Hướng dẫn các Bộ, các Ủy ban nhân dân xây dựng các kế hoạch nghiên cứu khoa học và kỹ thuật dài hạn và ngắn hạn, tổng hợp các kế hoạch ấy đề trình Chính phủ xét duyệt, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ấy. Tổ chức xây dựng, trình Chính phủ xét duyệt và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước;

3. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ hoặc được Chính phủ ủy quyền quyết định các chế độ, thể lệ về công tác quản lý khoa học và kỹ thuật, về đãi ngộ đối với cán bộ khoa học và kỹ thuật;

4. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trong việc nghiên cứu những đề nghị của các ngành để trình Chính phủ xét duyệt kế hoạch áp dụng những thành tựu khoa học và những tiến bộ kỹ thuật vào các lĩnh vực hoạt động của Bộ; quản lý thống nhất việc thực hiện kế hoạch đó;

5. Trình Chính phủ quyết định các chủ trương và kế hoạch về điều tra tài nguyên và sử dụng hợp lý tài nguyên, điều tra thiên nhiên và bảo vệ môi trường, chủ trương đầu tư và cung ứng vật tư, thiết bị cho các cơ quan nghiên cứu khoa học và kỹ thuật;

6. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành trình Chính phủ kế hoạch đào tạo và phân phối cán bộ khoa học và kỹ thuật;

7. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc quyết định và phân phối vốn nghiên cứu khoa học và kỹ thuật;

8. Thống nhất quản lý các công tác đo lường, tiêu chuẩn hóa và chất lượng sản phẩm trong cả nước. Quản lý các đơn vị chuẩn đo lường cấp Nhà nước và thực hiện sự kiểm định Nhà nước đối với các thiết bị, dụng cụ đo lường chuẩn trong cả nước;

9. Thống nhất quản lý công tác thông tin và tư liệu khoa học và kỹ thuật, công tác sáng chế phát minh và việc nhập sáng chế phát minh của nước ngoài; phối hợp với Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài và các Bộ có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch hợp tác khoa học và kỹ thuật với nước ngoài và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các cam kết với nước ngoài;

10. Trình Chính phủ quyết định, hoặc được Chính phủ ủy quyền quyết định việc cấp bằng sáng chế, phát minh.

Chương III

TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN

Điều 12. — Là chủ quản đầu tư, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chuẩn bị kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đề trình Chính phủ xét duyệt, tổng hợp kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của ngành, bao gồm phần do Bộ quản lý và phần do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng các chính sách, chế độ, thể lệ về đầu tư và về trình tự xây dựng cơ bản của Nhà nước.

2. Đối với các công trình do Chính phủ quản lý, Bộ có nhiệm vụ lập dự án đầu tư, luận chứng kinh tế — kỹ thuật trình Chính phủ xét duyệt; tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng theo đúng quy định của điều lệ quản lý xây dựng;

3. Đối với các công trình do Chính phủ giao cho Bộ quản lý, Bộ có quyền:

a) Chỉ định chủ đầu tư; xét duyệt dự án đầu tư, luận chứng kinh tế — kỹ thuật từng công trình, sau khi tham khảo ý kiến của hội đồng thẩm tra của Bộ.

b) Xét duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình.

c) Chỉ đạo các chủ đầu tư chuẩn bị xây dựng và ký kết các hợp đồng giao thầu thiết kế, thi công.

4. Căn cứ vào các quy hoạch về kinh tế — xã hội, quy hoạch phát triển của ngành, quy hoạch tổng thể vùng lãnh thổ, xác định việc bố trí địa điểm cụ thể của các công trình thuộc quyền quản lý của mình, sau khi đã bàn bạc nhất trí với Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

Điều 13. — Các Bộ được Chính phủ phân công quản lý lực lượng xây dựng chuyên ngành (Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thủy lợi, Bộ Điện lực, Bộ Mỏ và than, v.v...), có thêm những nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a) Trình Chính phủ quyết định, hoặc được Chính phủ ủy quyền quyết định các chế độ, thể lệ, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức, đơn giá, v.v... về xây dựng để áp dụng trong ngành;

b) Lập kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm về giao thầu và nhận thầu xây lắp và kế hoạch đầu tư về xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của ngành trình Chính phủ phê chuẩn, và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ấy.

Điều 14. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Làm nhiệm vụ thường trực hội đồng thẩm tra và xét duyệt các dự án đầu tư, các luận chứng kinh tế — kỹ thuật của các công trình do Chính phủ quản lý;

b) Thực hiện sự giám định Nhà nước về tổng mức đầu tư và danh mục công trình xây dựng dài hạn và hàng năm của các ngành, các địa phương theo kế hoạch Nhà nước;

c) Tổng hợp và đánh giá kết quả đầu tư của các công trình xây dựng cơ bản, trước hết là những công trình quan trọng và công trình do Chính phủ quản lý.

Điều 15. — Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định phương hướng, chủ trương, chính sách, chế độ và các biện pháp về công tác xây dựng cơ bản; các chế độ, thể lệ, tiêu chuẩn, quy phạm, định mức, đơn giá, tiêu chuẩn áp dụng chung cho nhiều ngành, nhiều địa phương trong công tác xây dựng cơ bản. Được Chính phủ ủy quyền quyết định một số chế độ, thể lệ, quy phạm, định mức, đơn giá. Tham gia ý kiến với các Bộ về các chế độ, thể lệ, tiêu chuẩn, quy phạm, định mức, đơn giá trong xây dựng chuyên ngành, trước khi các Bộ quyết định hoặc trình Chính phủ quyết định;

2. Trình Chính phủ xét duyệt, hoặc được Chính phủ ủy quyền xét duyệt những đề án xây dựng, đề án thiết kế kỹ thuật các công trình và đồ án thiết kế, quy hoạch xây dựng quan trọng của các Bộ;

3. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trong các việc trình Chính phủ xét duyệt các dự án kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm về đầu tư xây dựng cơ bản, thẩm tra các dự án đầu tư, các luận chứng kinh tế — kỹ thuật các công trình do Chính phủ quản lý; trong việc tổng hợp và đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản của cả nước, nhất là các công trình trọng điểm;

4. Hướng dẫn hoặc tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám định Nhà nước về chất lượng công tác xây dựng và về việc nghiệm thu bàn giao các công trình theo quy định của Chính phủ;

5. Cùng Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quản lý kế hoạch nghiên cứu khoa học và kỹ thuật xây dựng và đề nghị Chính phủ quyết định các chính sách khoa học — kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng; tổ chức công tác thông tin và xuất bản những ấn phẩm về khoa học và kỹ thuật xây dựng;

6. Chủ trì nghiên cứu, hoặc phối hợp với các Bộ nghiên cứu các vấn đề về khoa học và kỹ thuật xây dựng, về kinh tế xây dựng, về khảo sát thiết kế, về tiêu chuẩn hóa, điển hình hóa trong thiết kế và thi công, về cơ giới hóa việc xây dựng, về công nghệ xây dựng và về tổ chức, quản lý xây dựng;

7. Thiết kế các đồ án quy hoạch xây dựng tổng thể quan trọng: các vùng kinh tế, vùng công nghiệp, vùng du lịch, các đô thị trực thuộc trung ương hoặc các đô thị và các huyện trọng điểm thuộc trung ương chỉ đạo;

8. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thiết kế quy hoạch xây dựng, quản lý công tác quy hoạch xây dựng của địa phương và việc sử dụng đất xây dựng, xác định địa điểm và giao đất xây dựng theo quy định của Chính phủ.

Chương IV

TRONG LĨNH VỰC CUNG ỨNG THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Điều 16. — Các Bộ sử dụng thiết bị, vật tư có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Căn cứ quy định của Nhà nước, xây dựng các chế độ, tiêu chuẩn, định mức về sử dụng vật tư; chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước hoặc của Bộ;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ lập kế hoạch thiết bị, vật tư cân đối với nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh hoặc hoạt động sự nghiệp để trình Chính phủ xét duyệt, phân bổ chỉ tiêu về thiết bị, vật tư cho các cơ sở thuộc Bộ;

Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ ký kết hợp đồng với các tổ chức cung ứng thiết bị, vật tư và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng đó.

3. Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ, kiểm kê, đánh giá tình trạng thiết bị, vật tư và báo cáo tồn kho theo quy định của Chính phủ. Chịu trách nhiệm về tình trạng các đơn vị thuộc Bộ sử dụng lãng phí hoặc để ứ đọng, hư hỏng, mất mát thiết bị, vật tư;

4. Điều hòa thiết bị, vật tư giữa các đơn vị thuộc Bộ để sử dụng hợp lý và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch;

5. Tổ chức dự trữ các loại thiết bị, vật tư thuộc Bộ quản lý trong phạm vi quy định của Nhà nước.

Điều 17. — Các Bộ làm công tác cung ứng thiết bị, vật tư có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nắm nhu cầu của các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v... về các loại thiết bị, vật tư do Bộ có nhiệm vụ cung ứng và nắm khả năng nguồn vật tư trong và ngoài nước, trình Chính phủ quyết định các biện pháp để thực hiện sự cân đối giữa sản xuất, nhập khẩu, phân phối và sử dụng vật tư;

2. Tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về kế hoạch phân phối thiết bị, vật tư, kế hoạch sản xuất và tiêu dùng thiết bị, vật tư và kế hoạch nhập khẩu những loại vật tư mà Bộ có nhiệm vụ cung ứng; cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trình Chính phủ xét duyệt kế hoạch điều hòa vật tư giữa các Bộ, các địa phương;

Tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải trong việc xác định chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp bảo đảm việc vận chuyển thiết bị, vật tư nhanh chóng, an toàn, phục vụ kịp thời các cơ sở sản xuất.

3. Phối hợp với Bộ Vật tư và các Bộ có liên quan xây dựng mạng lưới và phương thức cung ứng vật tư hợp lý, có hiệu suất cao;

4. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc lập kế hoạch cung ứng vật tư, ký kết hợp đồng cung ứng với các cơ sở sử dụng vật tư, thực hiện cung ứng vật tư trực tiếp và bảo đảm đồng bộ, kịp thời, đều đặn, đầy đủ, thuận tiện cho cơ sở sản xuất, với chi phí thấp nhất;

5. Theo dõi, kiểm tra các đơn vị cung ứng vật tư và các đơn vị sử dụng vật tư trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước về cung ứng vật tư, về thực hiện các định mức vật tư, thiết bị. Chống tham ô, lãng phí vật tư;

6. Trình Chính phủ quyết định, hoặc trong phạm vi quyền hạn được giao, quyết định các chính sách, chế độ về quản lý cung ứng và những tiêu chuẩn, định mức tiêu hao, dự trữ những loại vật tư mà Bộ có nhiệm vụ cung ứng; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện các chính sách, chế độ ấy;

7. Tổ chức và quản lý dự trữ vật tư Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Điều 18. — Bộ Vật tư, ngoài việc cung ứng các loại vật tư thông dụng theo các nhiệm vụ và quyền hạn nói ở điều 17, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ, các chế độ, biện pháp về tạo nguồn vật tư, về phân phối, lưu thông và cung ứng vật tư, về bảo quản và sử dụng vật tư;

2. Trình Chính phủ quyết định chủ trương về tổ chức hệ thống cung ứng vật tư trong nền kinh tế quốc dân, quy hoạch thống nhất các hệ thống kho tàng ;

3. Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào quá trình cung ứng và quản lý vật tư ;

4. Cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ chủ quản xây dựng các định mức tiêu hao vật tư và định mức dự trữ vật tư trình Chính phủ xét duyệt; được Chính phủ ủy quyền xét duyệt một số định mức theo danh mục quy định;

5. Quản lý vật tư dự trữ của Nhà nước trong phạm vi trách nhiệm được giao ;

6. Cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xây dựng các kế hoạch vật tư dài hạn và kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm ; trình Chính phủ quyết định danh mục phân công quản lý vật tư và giải quyết những yêu cầu về vật tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh được ủy quyền cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xét duyệt cân đối và phân phối một số vật tư.

Điều 19. — Bộ Giao thông vận tải có nhiệm vụ bảo đảm thực hiện kế hoạch vận chuyển phục vụ nhu cầu của các ngành kinh tế, đời sống nhân dân; chỉ đạo các đơn vị vận tải thuộc quyền lãnh đạo của Bộ ký kết và thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng vận chuyển vật tư, hàng hóa theo kế hoạch ; chịu trách nhiệm về tình trạng vật tư, hàng hóa bị hư hao, mất mát trong quá trình vận chuyển.

Chương V

TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH — TÍN DỤNG — GIÁ CẢ

Điều 20. — Trong lĩnh vực tài chính, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Lập các dự án kế hoạch thu ở các đơn vị trực thuộc theo thông báo của Bộ Tài chính ; lập dự án kế hoạch phân phối vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn lưu động và vốn sự nghiệp cho các đơn vị trực thuộc ;

2. Căn cứ vào số kiểm tra ngân sách do Nhà nước giao, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn Ủy ban nhân dân địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản thống nhất toàn ngành ; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thu chi gắn với các kế hoạch sản xuất, xây dựng, kinh doanh, sự nghiệp, bảo đảm sự ăn khớp giữa dự án kế hoạch sản xuất với kế hoạch tài chính ;

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính theo đúng chế độ hạch toán kinh tế, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính ; bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ thu và giao nộp tài chính cho ngân sách ;

4. Điều hòa vốn cố định, vốn lưu động từ nơi thừa sang nơi thiếu giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng ngành kinh tế — kỹ thuật hoặc ngành sự nghiệp, chỉ đạo và kiểm tra việc thanh lý tài sản, giải quyết vật tư và vốn ứ đọng của các đơn vị trực thuộc;

5. Sử dụng quỹ bộ trưởng trích từ lợi nhuận vượt kế hoạch của các đơn vị trực thuộc để khen thưởng thêm các tập thể hoặc cá nhân có thành tích, theo đúng những quy định của Nhà nước;

6. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, bảo vệ tài sản và thực hiện việc thanh lý tài sản, giải quyết vật tư và vốn ứ đọng theo đúng chế độ của Nhà nước.

Điều 21. — Bộ Tài chính có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tính toán nhu cầu và khả năng tài chính của Nhà nước để trình Chính phủ quyết định phương hướng và biện pháp động viên, phân phối vốn tài chính; cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành có liên quan trình Chính phủ quyết định các chủ trương, chính sách phân phối thu nhập quốc dân;

2. Trình Chính phủ quyết định số kiểm tra kế hoạch thu, chi tài chính; giao số kiểm tra đó cho các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh cùng một lần với số kiểm tra kế hoạch kinh tế;

Tổng hợp các dự kiến kế hoạch tài chính của Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng thành dự toán ngân sách Nhà nước trình Chính phủ cùng một lần với kế hoạch kinh tế; xây dựng kế hoạch thu chi ngoại tệ, lập bảng cân đối thanh toán quốc tế và kế hoạch dự trữ tài chính Nhà nước.

3. Tham gia việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, kế hoạch tin dụng, kế hoạch tiền mặt, kế hoạch giá cả, bảo đảm kế hoạch thống nhất giữa hiện vật và tài chính và bảo đảm hiệu quả vốn của Nhà nước;

4. Trình Chính phủ quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ, các chế độ, thể lệ, tiêu chuẩn, định mức về thu, chi tài chính và ngân sách Nhà nước; không ngừng củng cố chế độ hạch toán kinh tế;

5. Tổ chức công tác thu và cấp phát ngân sách Nhà nước một cách thuận tiện, đầy đủ, kịp thời cho các ngành, các địa phương theo kế hoạch đã được Chính phủ phê chuẩn, kiểm tra các ngành, các địa phương trong việc sử dụng vốn đó;

Chỉ đạo các đơn vị cấp phát phục vụ tốt các đơn vị sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp.

6. Quản lý công tác bảo hiểm Nhà nước;

7. Quản lý quỹ dự trữ tài chính của Nhà nước (kể cả dự trữ ngoại hối, vàng, bạc, đá quý, v.v...);

8. Đại diện Nhà nước trong những quan hệ tài chính với nước ngoài; tham gia xây dựng kế hoạch viện trợ, vay và trả nợ, và theo dõi việc thực hiện kế hoạch ấy;

9. Tổ chức kiểm tra và thanh tra tài chính đối với tất cả các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở, bảo đảm thi hành chính sách, chế độ và kỷ luật tài chính của Nhà nước;

10. Trình Chính phủ quyết định chế độ kế toán mẫu áp dụng chung cho các cơ sở, các ngành, các địa phương; hướng dẫn kiểm tra việc áp dụng các chế độ đó.

Thường kỳ tổ chức việc kiểm kê đánh giá tài sản và phân tích việc sử dụng tài sản ở các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở để bảo đảm quản lý vốn và tài sản Nhà nước đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Điều 22. — Trong lĩnh vực tín dụng, thanh toán và lưu thông tiền tệ, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch vay, sử dụng và trả nợ ngân hàng, bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng kế hoạch, đạt hiệu quả cao;

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc thanh toán qua ngân hàng, chịu sự kiểm soát của ngân hàng về mặt chi, nộp và tồn quỹ tiền mặt theo chế độ của Nhà nước;

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trả đúng hạn các vốn vay và tiền lãi của ngân hàng, chấp hành chế độ thanh toán, chế độ thu, chi tiền mặt của Nhà nước;

4. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thi hành các chính sách, chế độ, thể lệ của Nhà nước về tín dụng, thanh toán và tiền mặt.

Điều 23. — Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ cho vay, thanh toán, thu chi tiền mặt, gửi tiền tiết kiệm, phát hành tiền, quản lý và sử dụng vàng, bạc, đá quý; hướng dẫn kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện các chính sách, chế độ, thể lệ ấy;

2. Trình Chính phủ quyết định, hoặc phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính trình Chính phủ bằng cân đối tín dụng tổng hợp, kế hoạch tín dụng, vốn cố định và vốn lưu động, kế hoạch thu và chi tiền mặt, chỉ đạo thực hiện các kế hoạch ấy, bảo đảm phục vụ kịp thời nhu cầu tiền vốn của các ngành, các địa phương theo kế hoạch;

3. Thực hiện chức năng trung tâm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế. Trình Chính phủ quyết định chế độ thanh toán không dùng tiền mặt và chế độ dùng tiền mặt hợp lý nhằm phục vụ tốt sản xuất, lưu thông và thuận tiện cho nhân dân;

4. Bảo quản kho bạc Nhà nước (kể cả vàng, bạc, đá quý và các chứng khoán ngoại tệ); tổ chức kinh doanh ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý theo pháp luật Nhà nước; bảo quản các nguồn vốn của các tổ chức Nhà nước, tổ chức tập thể và của nhân dân ký gửi ở ngân hàng; tôn trọng và bảo đảm quyền sở hữu, quyền sử dụng và lợi ích hợp pháp của người gửi đối với các khoản tiền gửi, đặc biệt đối với tiền gửi quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa;

5. Thực hiện kế hoạch phát hành tiền do Chính phủ giao, thống nhất quản lý việc lưu thông tiền tệ theo luật lệ Nhà nước;

6. Khi được sự ủy nhiệm của Chính phủ đại diện Nhà nước trong các quan hệ tín dụng, thanh toán với nước ngoài.

Điều 24. — Trong lĩnh vực giá, các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng trình Chính phủ quyết định giá của những nhóm sản phẩm (hoặc dịch vụ) do Bộ quản lý;
2. Quyết định giá các sản phẩm (hoặc dịch vụ) theo sự phân công của Chính phủ dựa trên chính sách, nguyên tắc, chế độ và theo giá chuẩn của Nhà nước;
3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các phương án giá do Chính phủ hoặc Bộ quyết định, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các địa phương xây dựng phương án giá của những sản phẩm do Chính phủ giao cho đơn vị hoặc địa phương quản lý;
4. Kiểm tra các đơn vị thuộc ngành trong cả nước về việc chấp hành chính sách giá, nguyên tắc định giá và chế độ quản lý giá của Nhà nước.

Điều 25. — Ủy ban Vật giá Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chính sách giá, nguyên tắc quy định giá, chế độ quản lý giá để bảo đảm quản lý thống nhất giá trong phạm vi cả nước;
2. Trình Chính phủ quyết định danh mục phân công, phân cấp quản lý giá;
3. Nghiên cứu lập phương án giá những sản phẩm do Chính phủ quyết định, thẩm tra và đề xuất ý kiến để Chính phủ quyết định các phương án giá do các Bộ trình Chính phủ; được Chính phủ ủy quyền quyết định giá một số sản phẩm.
4. Cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập các kế hoạch giá;
5. Hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở trong việc lập phương án giá, chấp hành những quy định của Nhà nước về chính sách giá, nguyên tắc định giá, chế độ quản lý giá.

Điều 26. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước và các Bộ quản lý ngành lập kế hoạch giá, chủ động sử dụng công cụ giá nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách, bảo đảm đời sống của nhân dân.

Chương VI

TRONG LĨNH VỰC HẠCH TOÁN, KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ THÔNG TIN KINH TẾ

Điều 27. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tổ chức thực hiện công tác hạch toán, kế toán, thống kê và thông tin kinh tế trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, theo sự hướng dẫn về nghiệp vụ của Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê;

2. Chỉ đạo và kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ ghi chép ban đầu, công tác hạch toán, kế toán, thống kê và thông tin kinh tế; chịu trách nhiệm khi các cơ quan, đơn vị trực thuộc có những thống kê, báo cáo không đúng sự thật mà không biết hoặc biết nhưng không có biện pháp xử lý thích đáng và kịp thời;

3. Thường kỳ báo cáo lên Chính phủ đồng gửi cho các Bộ, Tổng cục có liên quan các báo cáo kế toán, báo cáo thống kê và thông tin kinh tế theo chế độ quy định; chịu trách nhiệm khi các báo cáo đó không được kịp thời, đúng đắn, đầy đủ.

Điều 28. — Tổng cục Thống kê có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các chế độ về ghi chép ban đầu, chế độ báo cáo thống kê và thông tin kinh tế; ban hành các biểu mẫu thống kê; cùng Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định chế độ hạch toán và kế toán thống nhất;

2. Quản lý tập trung, thống nhất chế độ báo cáo thống kê và ghi chép ban đầu; quản lý và công bố các số liệu thống kê và cung cấp các số liệu đó cho các ngành, các địa phương theo chế độ quy định;

3. Trình Chính phủ các báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đúng đắn, đầy đủ của các báo cáo đó;

4. Xây dựng và từng bước hoàn thiện các tổ chức xử lý thông tin kinh tế theo ngành, theo địa phương và vùng lãnh thổ, bảo đảm việc thu thập, phân tích tình hình phục vụ sự chỉ đạo của Chính phủ.

Điều 29. — Bộ Tài chính có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định chế độ hạch toán và kế toán thống nhất;

2. Hướng dẫn các ngành, các địa phương tiến hành định kỳ việc phân tích các số liệu (thông qua chế độ kế toán) để làm cơ sở cho việc quyết toán ngân sách Nhà nước hằng năm và xây dựng dự toán ngân sách cho năm sau.

Chương VII

TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ ĐÀO TẠO

Điều 30. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch lao động và tiền lương của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo những tiêu chuẩn, định mức quy định, bảo đảm có hiệu quả kinh tế. Trên cơ sở kế hoạch lao động đã được Chính phủ xét duyệt, quyết định việc phân bổ lao động và quỹ lương cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng chính sách, chế độ và các quy định của Nhà nước;

2. Chỉ đạo việc quản lý lao động trong ngành, bảo đảm cho mọi người đều có việc làm; tuyển dụng lao động hoặc cho người lao động thôi việc theo chính

sách và kế hoạch Nhà nước và sự hướng dẫn của Bộ Lao động; cải tiến tổ chức sản xuất, tổ chức lao động; chỉ đạo việc trang bị cho người lao động các thiết bị, công cụ lao động cần thiết, trang bị bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn kỹ thuật và thực hiện kế hoạch tăng năng suất lao động trong ngành;

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc ngành xây dựng và thực hiện các định mức lao động tiên tiến, phù hợp với trình độ kỹ thuật và tổ chức sản xuất của ngành; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc ngành thực hiện các định mức Nhà nước và định mức ngành;

4. Chỉ đạo công tác ký kết hợp đồng tập thể và thi đua lao động xã hội chủ nghĩa trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành;

5. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch lao động và tiền lương ở khu vực sản xuất và kinh doanh của Bộ đã được Chính phủ duyệt, chỉ đạo việc sử dụng lao động và quỹ lương có hiệu quả theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và sự nghiệp; thực hiện các chính sách, chế độ về tiền lương, tiền thưởng của Nhà nước;

6. Giáo dục, bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng, kỹ thuật, nghiệp vụ và văn hóa cho những người lao động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, xây dựng một đội ngũ lao động có phẩm chất chính trị, có trình độ kỹ thuật và nghiệp vụ thành thạo, đoàn kết, phấn khởi sản xuất, công tác, học tập, bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Điều 31. — Bộ Lao động có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các phương hướng, chủ trương, chính sách và biện pháp huy động và tận dụng mọi lực lượng lao động xã hội để phát triển sản xuất; đãi ngộ và khuyến khích người lao động theo nguyên tắc phân phối theo lao động; hướng dẫn các Bộ, các Ủy ban nhân dân địa phương thực hiện các chủ trương, chính sách và biện pháp ấy;

2. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ, các chế độ, tiêu chuẩn về sử dụng và quản lý lao động, tiền lương như nghĩa vụ lao động, tiêu chuẩn ngành nghề, chính sách huy động, phân phối và điều hòa lao động, chế độ tuyển dụng và cho thôi việc, kỷ luật lao động, hợp đồng lao động, tiền lương, tiền thưởng (lương khoán, lương theo sản phẩm, lương theo thời gian...), bảo hộ lao động, các chế độ và phương pháp khoa học về tổ chức lao động, định mức lao động, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của công nhân, tiêu chuẩn cấp bậc công việc áp dụng chung cho nhiều ngành và địa phương, danh mục chức vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ của cán bộ, viên chức Nhà nước. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ ấy;

3. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ trong việc xây dựng các dự án phân bổ lực lượng lao động, các kế hoạch lao động (dài hạn, ngắn hạn) và các chính sách, chế độ liên quan đến công tác lao động và tiền lương;

4. Hướng dẫn các Bộ, các Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện các chính sách, luật lệ, chế độ về lao động và tiền lương, về tuyển dụng lao động hoặc cho

người lao động thôi việc theo chính sách và kế hoạch Nhà nước ; tổ chức thanh tra và hướng dẫn công tác thanh tra ở các ngành, các địa phương trong việc tuyển và sử dụng lao động, chấp hành các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn và luật lệ về lao động và tiền lương, về bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn lao động, về kỷ luật lao động do Nhà nước quy định.

Điều 32. — Tổng cục dạy nghề có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ và quy chế quản lý công tác đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, đốc công và giáo viên dạy nghề ;

2. Cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch và tổng hợp kế hoạch đào tạo công nhân kỹ thuật để trình Chính phủ quyết định ;

3. Trình Chính phủ quyết định, hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ, danh mục các ngành nghề đào tạo ; các quy chế dạy nghề, quy chế quản lý các trường lớp dạy nghề và tài liệu dạy nghề. Hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, các địa phương trong việc thực hiện các chính sách, chế độ và các quy chế dạy nghề.

Điều 33. — Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ và quy chế quản lý công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học — kỹ thuật và cán bộ quản lý bậc trung học, đại học và trên đại học ;

2. Cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch và tổng hợp kế hoạch đào tạo cán bộ trung học, đại học và trên đại học để trình Chính phủ quyết định ;

3. Trình Chính phủ quyết định, hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ, các danh mục ngành, nghề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý ; xây dựng, hoặc hướng dẫn các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng các chương trình và tài liệu giảng dạy và học tập của các trường trung học, đại học và trên đại học.

Kiểm tra các Bộ, các địa phương nhằm bảo đảm sự thống nhất trong công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trung học và đại học.

Chương VIII

TRONG LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ, KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ; TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU

Điều 34. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài xây dựng kế hoạch hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với nước

ngoài về lĩnh vực quản lý của ngành để tổng hợp trình Chính phủ quyết định; tổ chức thực hiện kế hoạch đó theo đúng các quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài và về ngoại thương;

2. Tiến hành đàm phán và ký kết với các tổ chức hữu quan của nước ngoài các văn kiện về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật hoặc các văn kiện về xuất nhập khẩu;

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng xuất khẩu theo kế hoạch Nhà nước, thực hiện các biện pháp mở rộng sản xuất những mặt hàng xuất khẩu có hiệu quả cao; thực hiện đầy đủ các kế hoạch về hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và xuất khẩu;

4. Phối hợp với Bộ Ngoại thương và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nghiên cứu và thực hiện các biện pháp về xuất khẩu và về nhập khẩu những hàng hóa theo yêu cầu phát triển sản xuất của ngành;

Được Chính phủ cho phép thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất - nhập khẩu theo đúng các quy định của Nhà nước.

5. Bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ của Bộ trong khuôn khổ các hiệp định do Chính phủ ta đã ký kết với Chính phủ các nước.

Điều 35. — Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Phối hợp với các ngành có liên quan đề nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ quyết định các chủ trương, chính sách, kế hoạch và biện pháp về quan hệ kinh tế với nước ngoài.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và giúp đỡ các ngành, các địa phương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch của Nhà nước về quan hệ kinh tế với nước ngoài và những cam kết với nước ngoài về hợp tác kinh tế và khoa học và kỹ thuật.

3. Hướng dẫn hoạt động của các phân ban Việt Nam về hợp tác kinh tế và khoa học và kỹ thuật với nước ngoài.

Điều 36. — Bộ Ngoại thương có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định phương hướng, chủ trương, chính sách, biện pháp về phát triển công tác ngoại thương;

2. Quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh ngoại thương của các đơn vị trực thuộc;

Hướng dẫn các đơn vị thuộc các Bộ khác và các địa phương về chính sách và nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương.

3. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ, hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ các chế độ, thể lệ về ngoại thương, về hải quan, về phương thức quá cảnh đối với hàng hóa nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam; cấp giấy phép xuất nhập khẩu; chỉ đạo thống nhất công tác hải quan trong cả nước;

4. Phối hợp với Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Ngoại giao đề kiến nghị với Chính phủ chính sách hợp tác quốc tế, kế hoạch viện trợ cho nước ngoài và tiếp nhận viện trợ của nước ngoài, kế hoạch sử dụng vốn vay của nước ngoài;

5. Phối hợp với Ủy ban quan hệ kinh tế với nước ngoài, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan chuẩn bị việc đàm phán với nước ngoài về hợp tác kinh tế, viện trợ và tín dụng.

Chương IX

TRONG LĨNH VỰC PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG, BẢO VỆ SỨC KHỎE CỦA NHÂN DÂN

Điều 37. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Căn cứ vào chính sách, chế độ của Nhà nước, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, công nhân và nhân viên.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện phong trào thể dục, thể thao, công tác vệ sinh phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe, thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường sống, về bồi dưỡng và nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ, nhân viên;

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sử dụng các quỹ phúc lợi tập thể và các phương tiện dùng vào việc phục vụ đời sống vật chất, văn hóa của cán bộ, công nhân viên, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất tự cải thiện đời sống.

Điều 38. — Các Bộ có chức năng phục vụ đời sống của nhân dân (ăn, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, thông tin, v.v...) có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trong phạm vi chức năng quản lý của mình, trình Chính phủ quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ, kế hoạch, các biện pháp nhằm phục vụ ngày càng tốt đời sống và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; quyết định và chỉ đạo thực hiện các chế độ và biện pháp phục vụ đời sống và bảo vệ sức khỏe của nhân dân;

2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền giáo dục cán bộ, công nhân, nhân viên trong ngành không ngừng nâng cao ý thức và chất lượng phục vụ nhân dân, chống mọi thái độ cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân;

3. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực phục vụ đời sống, theo như quy định ở điều 4 của nghị định này.

Chương X

TRONG LĨNH VỰC GIỮ GÌN AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Điều 39. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Xây dựng tổ chức bảo vệ theo tiêu chuẩn, chế độ quy định và chỉ đạo tổ chức ấy hoạt động theo pháp luật của Nhà nước và sự hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

2. Chỉ đạo thực hiện các chế độ, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm an toàn cho mọi hoạt động và tổ chức của ngành;

3. Giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân và nhân viên toàn ngành trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, bọn lưu manh côn đồ, bọn trộm cắp tài sản Nhà nước; phối hợp với các cơ quan có chức năng trong công tác điều tra, xử lý các vụ phạm pháp của cán bộ, công nhân, nhân viên thuộc quyền quản lý của mình.

Điều 40. — Bộ Nội vụ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ hoặc quyết định theo sự ủy quyền của Chính phủ các chế độ, thể lệ về bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản, tính mạng của nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện các chính sách, chế độ ấy;

2. Tổ chức và chỉ đạo công tác đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn, khám phá và trấn áp mọi âm mưu, hoạt động, tổ chức của bọn phản cách mạng, bọn lưu manh côn đồ, v.v... theo pháp luật Nhà nước;

3. Tổ chức và chỉ đạo công tác giữ gìn trật tự công cộng, trật tự và an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, đấu tranh chống mọi hành động vi phạm luật lệ về trật tự và an toàn xã hội;

4. Tổ chức và chỉ đạo công tác bảo vệ an toàn những cơ quan chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật và những cơ sở kinh tế theo quy định của Chính phủ;

Hướng dẫn, giúp đỡ các ngành và địa phương xây dựng và chỉ đạo hoạt động của các tổ chức bảo vệ theo quy định của Chính phủ; huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ thuật cho các tổ chức ấy.

5. Trình Chính phủ quyết định việc đình chỉ, hoặc theo sự ủy quyền của Chính phủ đình chỉ những hoạt động nguy hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa, đến tính mệnh và tài sản của nhân dân, đến an ninh quốc gia.

Chương XI

TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

Điều 41. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tổ chức thực hiện việc huy động nhân lực, vật lực và tài lực nhằm bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng trong thời bình, và khi có chiến sự, theo quy định của Chính phủ và sự hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng; bảo đảm các yêu cầu về sản phẩm của ngành phục vụ cho nhu cầu của quân đội. Khi có chiến tranh, tổ chức việc chuyển hướng mọi hoạt động của ngành từ thời bình sang thời chiến.

3. Tổ chức, quản lý lực lượng tự vệ, chỉ đạo việc bồi dưỡng, huấn luyện về kiến thức quân sự cho cán bộ, công nhân và nhân viên của ngành theo các quy định của Chính phủ và theo sự hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Điều 42. — Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trình Chính phủ quyết định những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách về quân sự, về các kế hoạch phòng thủ đất nước, kế hoạch xây dựng và phát triển tiềm lực quốc phòng, kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và quốc phòng toàn dân, kế hoạch tác chiến, kế hoạch tuyển quân hàng năm, kế hoạch động viên thời chiến, quốc phòng toàn dân và các kế hoạch bảo đảm nhu cầu cho quốc phòng.

Tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện các chủ trương, chính sách và kế hoạch ấy.

2. Tổ chức, chỉ đạo và chỉ huy thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng mà Nhà nước giao cho quân đội ;

3. Phối hợp và hướng dẫn các ngành, các địa phương có liên quan về những hoạt động quốc phòng và sản xuất bảo đảm yêu cầu của quốc phòng theo sự ủy nhiệm của Chính phủ.

Chương XII

TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

Điều 43. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Tiến hành việc giao thiệp với đại diện các nước ở trong và ngoài nước ta ; đón tiếp các đoàn đại biểu các nước ; đàm phán, ký kết các hiệp định, nghị định thư, kế hoạch hợp tác tay đôi hoặc nhiều bên theo chủ trương của Chính phủ và sự hướng dẫn của Bộ Ngoại giao ;

2. Thi hành các chủ trương, chính sách, biện pháp ngoại giao của Chính phủ trong quan hệ công tác ngành với nước ngoài theo sự hướng dẫn của Bộ Ngoại giao ;

3. Tổ chức, quản lý bộ phận hợp tác quốc tế hoặc bộ phận ngoại vụ của ngành và địa phương theo quy định của Chính phủ và sự hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

Điều 44. — Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trình Chính phủ quyết định những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách và kế hoạch công tác ngoại giao nhằm bảo vệ chủ quyền, lợi ích và an ninh quốc gia ; tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; nâng cao vị trí và uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; thực hiện nghĩa vụ quốc tế của nước ta ;

Tổ chức và chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách và kế hoạch ấy.

2. Tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện các chủ trương về ngoại giao Nhà nước như thiết lập quan hệ ngoại giao và thực hiện việc trao đổi đại diện ngoại giao giữa nước ta với các nước, giao thiệp với đại diện ngoại giao nước ngoài ở trong và ngoài nước ta ; tổ chức các phái đoàn Nhà nước và Chính phủ ta đi thăm các nước ; đón tiếp các phái đoàn Nhà nước và Chính phủ các nước đến thăm nước ta ;

3. Tham gia đàm phán, ký kết các hiệp ước, hiệp định giữa nước ta với nước ngoài, kể cả với các tổ chức quốc tế, trong trường hợp có quan hệ đến công tác ngoại giao ;

4. Tham gia với các Bộ trong việc xây dựng các chính sách, chủ trương về quan hệ kinh tế với nước ngoài về hợp tác khoa học kỹ thuật, tuyên truyền và trao đổi văn hóa với nước ngoài ;

5. Phối hợp và hướng dẫn các Bộ, các địa phương thực hiện những công tác có liên quan đến hoạt động ngoại giao theo sự ủy quyền của Chính phủ.

Chương XIII**TRONG LĨNH VỰC PHÁP CHẾ****Điều 45. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :**

1. Nghiên cứu thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thuộc lĩnh vực quản lý của ngành thành văn bản pháp luật của Nhà nước ; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công nhân viên Nhà nước, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân, tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc chấp hành pháp luật.

2. Trình Chính phủ các dự án pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ ; xây dựng điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bộ trình Chính phủ thông qua và tổ chức thực hiện các pháp luật và điều lệ đó ; xét duyệt nội quy hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

3. Trong phạm vi quyền hạn được giao ban hành các quyết định, thông tư, chỉ thị để chỉ đạo công tác toàn ngành hoặc hướng dẫn các ngành, các địa phương thi hành các chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ.

4. Căn cứ vào quy định của Nhà nước, thành lập và chỉ đạo hoạt động của các tổ chức pháp chế của ngành và của các cơ quan thanh tra và Hội đồng trọng tài kinh tế.

Điều 46. — Ủy ban Pháp chế của Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Phụ trách công tác hành chính tư pháp trong cả nước.
2. Trình Chính phủ quyết định kế hoạch xây dựng pháp luật trên cơ sở tổng hợp kế hoạch xây dựng pháp luật của các ngành; giúp các ngành thực hiện kế hoạch đó.
3. Trình Chính phủ xét và ban hành những văn bản pháp luật không thuộc Bộ nào phụ trách.
4. Hướng dẫn và giúp đỡ về nghiệp vụ pháp lý cho các Bộ, các địa phương trong việc xây dựng, hoàn thiện và hệ thống hóa pháp luật và trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật.
5. Thẩm tra tính hợp pháp của các văn bản do các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh ban hành; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản không phù hợp với pháp luật hiện hành.
6. Đào tạo và quản lý việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý cho các ngành, các địa phương.

Điều 47. — Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định các chính sách, luật lệ về ký kết hợp đồng kinh tế; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện chính sách, luật lệ đó.
2. Hướng dẫn các ngành, các địa phương về nghiệp vụ công tác xét xử các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; trực tiếp thanh tra và xét xử các vụ vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế theo quy định của Chính phủ.

Điều 48. — Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Chính phủ quyết định những chủ trương, chính sách, chế độ về công tác thanh tra Nhà nước (thanh tra của cơ quan chuyên trách, thanh tra của người thủ trưởng), thanh tra nhân dân, về việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, các Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ ấy.

2. Thanh tra việc chấp hành các nghị quyết của Chính phủ và việc giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo của nhân dân trong tất cả các Bộ, các Ủy ban nhân dân, các đơn vị cơ sở.

3. Khi thanh tra hoặc khi xét việc khiếu nại, tố cáo, Ủy ban Thanh tra có quyền yêu cầu cơ quan được thanh tra cung cấp tài liệu cần thiết hoặc cử người tham gia kiểm tra; kiến nghị biện pháp để cơ quan được thanh tra sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm; căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, tạm thời đình chỉ những công việc đang có nguy cơ gây thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân hoặc đình chỉ công tác những cán bộ, nhân viên đang gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước, tài sản hoặc tính mạng của nhân dân hoặc đang gây trở ngại cho công tác thanh tra.

Chương XIV

TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CÁN BỘ

Điều 49. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Trình Chính phủ quyết định hệ thống tổ chức quản lý của ngành hay lĩnh vực trong cả nước, bao gồm cơ cấu chung và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức do Bộ trực tiếp quản lý; các tổ chức thuộc ngành do các địa phương hoặc các ngành khác quản lý (nếu có); chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân địa phương hoặc các ngành khác thực hiện các quyết định ấy.

2. Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Bộ được Chính phủ phê chuẩn, thực hiện việc thành lập hoặc bãi bỏ các tổ chức trực thuộc Bộ, xây dựng các điều lệ, nội quy hoạt động của các tổ chức trực thuộc Bộ (cục, vụ, viện, trường, công ty, liên hiệp các xí nghiệp, v.v...).

3. Trình Chính phủ quyết định các tiêu chuẩn cán bộ của ngành, các chính sách, chế độ đối với cán bộ trong ngành; hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện các tiêu chuẩn, chính sách, chế độ ấy.

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, hoặc hướng dẫn các Bộ, các Ủy ban nhân dân về nội dung đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách của ngành.

5. Căn cứ vào đường lối cán bộ của Đảng và các chính sách, chế độ của Chính phủ đối với cán bộ, quyết định việc sắp xếp, đề bạt, khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với cán bộ từ phó vụ trưởng, phó giám đốc liên hiệp các xí nghiệp, phó giám đốc tổng công ty trở xuống.

Đối với những cán bộ từ chức vụ vụ trưởng trở lên, bộ trưởng đề nghị cấp có thẩm quyền xét và quyết định.

Đối với các cán bộ đứng đầu ngành ở cấp tỉnh, thì bộ trưởng quyết định việc điều động hoặc bổ nhiệm, sau khi thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với những cán bộ đã qua đào tạo từ bậc đại học hoặc trên đại học về kỹ thuật, nghiệp vụ làm việc ở các địa phương mà không giữ chức vụ phụ trách (trưởng, phó ty hoặc tương đương), thì Bộ chủ quản ngành có quyền điều động đề tăng cường cho các địa phương khác đang cần hơn sau khi đã thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

6. Căn cứ vào số lượng biên chế và tổng quỹ lương đã được Chính phủ duyệt hàng năm, phân bổ số lượng cán bộ, nhân viên vào từng đơn vị trực thuộc trong khu vực hành chính sự nghiệp.

7. Lãnh đạo và giáo dục toàn thể cán bộ, công nhân, nhân viên nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, chấp hành kỷ luật lao động, kỷ cương của Nhà nước nhằm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Phần thứ ba

ĐIỀU-KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. — Nghị định này thay thế chương III và chương IV của bản điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và thay thế bản quy định ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1 tháng 11 năm 1973 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 51. — Nghị định này có hiệu lực thi hành đối với tất cả bộ trưởng, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương.

Điều 52. — Hội đồng Chính phủ và mỗi thành viên của Hội đồng Chính phủ, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thi hành nghị định này kết hợp với việc thi hành bản quy định về 4 chế độ kèm theo nghị định số 217-CP ngày 8 tháng 6 năm 1979 trong ngành hoặc lĩnh vực thuộc quyền quản lý của mình.

Điều 53. — Căn cứ vào nghị định này, các bộ trưởng xây dựng hoặc bổ sung bản điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bộ đề trình Chính phủ quyết định.

Hà Nội, ngày 9 tháng 2 năm 1981

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LAO ĐỘNG — TIỀN LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Chính phủ số 26-CP ngày 21-1-1981 về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng các hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước.

Trả lương khoán, lương sản phẩm là một biện pháp quan trọng nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái đầy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động và từ đó có tăng thu nhập.